

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2018

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Hà Nội, tháng 07 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		663,470,576,987	367,329,516,653
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	417,995,009,344	167,334,700,107
1. Tiền	111		317,924,778,253	99,884,714,930
2. Các khoản tương đương tiền	112		100,070,231,091	67,449,985,177
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		182,675,721,116	128,021,600,809
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	80,742,483,066	98,545,239,904
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	21,195,303,102	5,221,357,771
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	80,902,768,560	24,469,836,746
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(164,833,612)	(214,833,612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		41,827,964,638	38,846,510,867
1. Hàng tồn kho	141	V.6	41,827,964,638	38,846,510,867
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20,971,881,889	33,126,704,870
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	2,816,638,027	5,056,906,588
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.8	18,152,088,462	28,066,642,882
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	3,155,400	3,155,400
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		777,130,881,869	941,741,758,570
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3,184,080,000	3,360,721,143
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.10	3,184,080,000	3,360,721,143
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		550,170,171,639	753,287,413,797
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	543,070,947,455	749,801,178,109
<i>Nguyên giá</i>	222		944,298,274,197	1,109,198,280,126
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(401,227,326,742)	(359,397,102,017)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	7,099,224,184	3,486,235,688
<i>Nguyên giá</i>	228		11,621,297,885	6,997,927,885
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4,522,073,701)	(3,511,692,197)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.13	25,219,298,745	12,525,951,591
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		25,219,298,745	12,525,951,591
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		39,942,540,237	38,734,523,423
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.14	29,491,673,737	28,283,656,923
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.15	10,450,866,500	10,450,866,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		158,614,791,248	133,833,148,616
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	158,614,791,248	133,833,148,616
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,440,601,458,856	1,309,071,275,223

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		348,261,136,692	472,894,191,748
I. Nợ ngắn hạn	310		260,257,380,686	279,771,297,639
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	86,772,994,849	92,705,820,588
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	321,159,679	733,044,194
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	13,581,692,019	12,629,303,627
4. Phải trả người lao động	314	V.20	9,472,742,706	14,834,706,436
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.21	10,231,938,895	510,691,901
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22	39,635,306,668	60,407,738,431
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23	74,382,745,513	78,319,292,105
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.24	2,648,342,710	2,648,342,710
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	23,210,457,647	16,982,357,647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		88,003,756,006	193,122,894,109
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.26	25,000,000,000	50,000,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.27	63,003,756,006	143,122,894,109
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,092,340,322,164	836,177,083,475
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.28	1,092,340,322,164	836,177,083,475
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		487,827,510,000	345,078,180,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		487,827,510,000	345,078,180,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115,623,112,922	58,738,380,922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(14,920,919,678)	(14,920,919,678)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		179,564,070,809	152,064,070,809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		123,003,310,284	124,290,839,354
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		53,206,074,354	124,290,839,354
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		69,797,235,930	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		201,243,237,827	170,926,532,068
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,440,601,458,856	1,309,071,275,223

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	238,571,789,655	160,937,468,081	495,987,125,579	290,264,134,543
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	10	VI.1	238,571,789,655	160,937,468,081	495,987,125,579	290,264,134,543
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	196,657,187,179	115,235,241,294	400,640,463,344	205,878,645,960
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		41,914,602,476	45,702,226,787	95,346,662,235	84,385,488,583
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5,272,390,587	9,746,696,692	6,589,980,052	12,134,100,479
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,172,795,918	1,253,632,205	4,705,835,797	2,441,700,349
Trong đó: chi phí lãi vay	23		631,753,727	1,062,759,769	3,163,234,803	2,138,869,786
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh.	24	VI.5	1,307,297,667	(39,582,156)	8,016,814	1,704,807,888
9. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12,952,819,060	10,141,483,106	27,288,794,399	17,972,950,138
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33,368,675,752	44,014,226,012	69,950,028,905	77,809,746,463
12. Thu nhập khác	31	VI.7	20,246,894,672	1,042,117,695	21,810,495,117	1,084,500,280
13. Chi phí khác	32	VI.8	13,055,193	390,002,348	199,985,492	394,086,310
14. Lợi nhuận khác	40		20,233,839,479	652,115,347	21,610,509,625	690,413,970
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53,602,515,231	44,666,341,359	91,560,538,530	78,500,160,433
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	51		8,831,674,156	4,712,501,841	13,625,241,491	7,437,478,422
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44,770,841,075	39,953,839,518	77,935,297,039	71,062,682,011
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		37,531,356,560	39,895,888,980	69,797,235,930	70,967,264,975
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không ki	62		7,239,484,515	57,950,538	8,138,061,109	95,417,036
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1,031	1,638	1,924	1,937
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1,031	1,638	1,924	1,937

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Tổng Giám đốc




Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	91,560,538,530	78,500,160,433
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	49,775,086,593	32,860,465,962
- Các khoản dự phòng	03	-	(92,606,933)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1,012,747,405	(38,672,717)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(24,470,991,722)	(11,512,544,943)
- Chi phí lãi vay	06	3,163,234,803	2,138,869,786
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	121,040,615,609	101,855,671,588
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(28,762,470,211)	(40,422,078,638)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2,981,453,771)	(14,194,555,502)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(23,958,668,360)	130,324,685,346
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(22,405,010,435)	10,439,361,670
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3,248,868,715)	(1,883,678,178)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14,397,052,509)	(13,670,538,920)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3,421,900,000)	(4,358,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	21,865,191,609	168,090,867,366
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(32,725,015,292)	(242,629,285,169)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	177,407,105,426	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1,200,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5,023,366,563	6,639,237,149
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	148,505,456,697	(236,990,048,020)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		199,634,062,000	(50,000,000)
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(4,561,855,500)
3. Tiền thu từ đi vay	33		18,881,088,878	135,009,937,828
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(104,513,339,444)	(26,118,088,346)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(33,934,765,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		80,067,046,434	104,279,993,982
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		250,437,694,740	35,380,813,328
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	167,334,700,107	221,639,040,386
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		222,614,497	(29,813,929)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	417,995,009,344	256,990,039,785

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thành lập công ty con

Trong năm 2017, Công ty đã tham gia góp vốn thành lập Công ty TNHH Pan Hải An với tỷ lệ góp vốn là 51% vốn điều lệ. Mục đích của việc tham gia góp vốn vào Công ty TNHH Pan Hải An là đầu tư và khai thác Depot. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, Công ty con này chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ Depot	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. *Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải an (*)	Tầng 3 tòa nhà Hải An, Km2 đường Đinh Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ	36%	36%	20%	20%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (*)	Tầng 2 tòa nhà Hải An, Km2 đường Đinh Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ đại lý	50%	50%	50%	50%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Phòng 502 tầng 5, tòa nhà 133 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội	Dịch vụ vận tải, logistics	40%	0%	40%	0%

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo có 292 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 281 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ báo cáo sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định đối với nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm và Chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hội đồng quản trị có thẩm quyền tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là Thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2,165,086,791	1,992,151,430
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	315,759,691,462	97,892,563,500
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	100,070,231,091	67,449,985,177
Cộng	417,995,009,344	167,334,700,107

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm	
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An ⁽ⁱ⁾	1,000,000,000	1,264,203,041	2,264,203,041	1,000,000,000	1,525,656,275
Công ty TNHH Đại Lý và Tiếp vận Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	5,000,000,000	20,763,098,628	25,763,098,628	5,000,000,000	20,758,000,648
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1,200,000,000	264,372,068	1,464,372,068		
Cộng	7,200,000,000	22,291,673,737	29,491,673,737	6,000,000,000	22,283,656,923

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy đăng ký thuế số 0201275526 ngày 13 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Cảng Hải An đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải HAS) 1.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Đến thời điểm lập báo cáo, Công ty con đã đầu tư đủ theo đăng ký.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy đăng ký thuế số 0201244461 thay đổi lần thứ ba ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Cảng Hải An đầu tư vào Công ty TNHH Đại Lý và Tiếp vận Hải An 12.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, Công ty con đã đầu tư đủ theo đăng ký, trong đó, vốn góp ban đầu là 5.000.000.000 VND, tăng vốn góp từ lợi nhuận được chia là 7.500.000.000 VND.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108111428 ngày 27 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An là 1.200.000.000 VND tương ứng 40% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, Công ty đã góp đủ vốn.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong kỳ	Phản lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	2,525,656,275	-	9,011,766	(270,465,000)	2,264,203,041
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	25,758,000,648	-	2,505,097,980	(2,500,000,000)	25,763,098,628
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (iii)		1,200,000,000	264,372,068		1,464,372,068
Cộng	28,283,656,923	1,200,000,000	2,778,481,814	(2,770,465,000)	29,491,673,737

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,710,614,617	263,053,000
Doanh thu bán hàng hóa	-	
Lợi nhuận được chia	2,500,000,000	2,500,000,000
	4,481,281,348	
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An</i>		
Doanh thu cung cấp dầu Diesel	-	1,386,060,108
Sử dụng dịch vụ	8,884,634,834	6,294,988,000
Sử dụng dịch vụ khác	-	4,167,865,280
Thu hồi tiền cho vay	-	1,000,000,000
Lãi cho vay	-	40,516,667
Lợi nhuận được chia	270,465,000	156,000,000
	-	
<i>Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An</i>		
Chuyển tiền góp vốn cho Giao nhận Vận tải Hải An	1,200,000,000	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14,031,231,542	
Sử dụng dịch vụ	63,995,909	

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	10.450.866.500		5.000.866.500	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	10.000.000.000		5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	450.000.000			
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000		864.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần MHC	2.500		2.500	
Cộng	10.450.866.500		5.000.866.500	

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	13,053,003,448	7,031,582,086
Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An	-	-
Công ty TNHH Cảng Hải An	-	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	-	-
Công ty TNHH Pan Hải An	-	-
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	94,894,100	2,054,600,838
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	-	223,000,000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	7,773,535,649	
Công ty Cổ Phần Hàng Hải Macs		3,800,000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs tại Hải Phòng	554,917,626	367,116,752
Công ty Cổ phần Hải Minh		17,700,000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội	19,136,700	255,843,300
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	555,412,465	535,065,740
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	4,047,239,908	2,903,186,006
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa Phương Thức	7,867,000	671,269,450
Phải thu các khách hàng khác	67,689,479,618	91,513,657,818
Các khách hàng khác	67,689,479,618	91,513,657,818
Cộng	80,742,483,066	98,545,239,904

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	21,195,303,102	5,221,357,771
Công ty Cổ phần Cotechco	4,164,509,000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sao Đỏ	10,179,982,395	
Công ty TNHH Phúc Nam	2,000,000,000	
Alfa Laval Singapore Pte Ltd	-	668,113,008

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ	-	818,730,000
Các nhà cung cấp khác	4,850,811,707	3,734,514,763
Cộng	21,195,303,102	5,221,357,771

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ Giá trị	Số đầu năm Giá trị
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>30,615,176</i>	<i>704,167</i>
Công ty TNHH Cảng Hải An – Lợi nhuận phải thu	-	
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Kết quả hoạt động BCC	-	
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An - Tiền lãi cho vay		704,167
Các khoản chi hộ	30,615,176	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>80,872,153,384</i>	<i>24,469,132,579</i>
Lãi tiền gửi dự thu	227,970,921	139,652,896
Ký cược, ký quỹ	60,367,798,936	20,156,857,220
Tạm ứng	684,422,542	743,987,650
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hàng hải Việt Nam - tiền sửa chữa tàu Hải An Gate	13,340,770,962	2,616,871,765
Công ty Cổ phần Vận tải biển Tân Cảng - Phải thu về doanh thu BCC dịch vụ vận tải quốc tế	2,860,236,201	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3,390,953,822	811,763,048
Cộng	80,902,768,560	24,469,836,746

5b. Phải thu dài hạn khác

Là tiền ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	<i>164,833,612</i>	-	<i>214,833,612</i>
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	65,089,486	3 năm	65,089,486
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	99,744,126	3 năm	99,744,126
Công ty TNHH K.N.V		-	3 năm	50,000,000
Cộng		164,833,612		214,833,612

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	214,833,612	422,367,112
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	(50,000,000)	(207,533,500)
Số cuối năm	164,833,612	214,833,612

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ Giá gốc	Số đầu năm Giá gốc
Nguyên liệu, vật liệu	41,703,333,729	38,735,928,460
Công cụ, dụng cụ	124,630,909	110,582,407
Cộng	41,827,964,638	38,846,510,867

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	1,638,774,350	1,602,929,222
Công cụ dụng cụ	133,770,499	153,583,234
Chi phí sửa chữa	807,384,847	1,807,934,849
Phí đường bộ	40,708,331	121,852,831
Chi phí thuê văn phòng	196,000,000	-
Chi phí thuê tàu	-	1,314,661,000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	55,945,452
Cộng	2,816,638,027	5,056,906,588

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	1,311,977,229	1,944,425,185
Chi phí lên đà tàu Hải An Time	1,678,497,549	3,356,995,095
Chi phí lên đà tàu Hải An Song	4,890,464,671	7,147,602,211
Chi phí lên đà tàu Hải An Park	10,194,682,148	-
Công cụ dụng cụ	1,846,310,963	3,271,550,567
Tiền thuê đất (*)	138,334,798,962	117,650,995,000
Bản quyền phần mềm	358,059,726	461,580,558
Cộng	158,614,791,248	133,833,148,616

(*) Tiền thuê đất của Công ty TNHH Pan Hải An tại Khu công nghiệp Nam Đình Vũ để đầu tư, xây dựng và kinh doanh kho bãi container.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	199,103,152,320	276,262,732,177	610,516,762,113	2,330,626,798	20,985,006,718
Mua trong kỳ					82,272,727
Thanh lý, nhượng bán			(164,982,278,656)		
Số cuối kỳ	<u>199,103,152,320</u>	<u>276,262,732,177</u>	<u>445,534,483,457</u>	<u>2,330,626,798</u>	<u>21,067,279,445</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	755,229,137	5,534,727,711	400,000,000	1,528,558,211	63,636,364
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	93,789,395,901	152,940,118,906	108,968,440,596	1,530,914,898	2,168,231,716
Khấu hao trong kỳ	6,426,606,153	14,940,802,711	26,239,584,495	98,443,866	1,059,267,864
Thanh lý, nhượng bán			(6,934,480,364)		
Số cuối kỳ	<u>100,216,002,054</u>	<u>167,880,921,617</u>	<u>128,273,544,727</u>	<u>1,629,358,764</u>	<u>3,227,499,580</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>105,313,756,419</u>	<u>123,322,613,271</u>	<u>501,548,321,517</u>	<u>799,711,900</u>	<u>18,816,775,002</u>
Số cuối kỳ	<u>98,887,150,266</u>	<u>108,381,810,560</u>	<u>317,260,938,730</u>	<u>701,268,034</u>	<u>17,839,779,865</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4,945,015,236	2,052,912,649	6,997,927,885
Mua trong kỳ		4,623,370,000	4,623,370,000
Thanh lý, nhượng bán			-
Số cuối kỳ	4,945,015,236	6,676,282,649	11,621,297,885
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1,967,645,709	1,544,046,488	3,511,692,197
Khấu hao trong kỳ	70,643,076	939,738,428	1,010,381,504
Thanh lý, nhượng bán			-
Số cuối kỳ	2,038,288,785	2,483,784,916	4,522,073,701
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2,977,369,527	508,866,161	3,486,235,688
Số cuối kỳ	2,906,726,451	4,192,497,733	7,099,224,184

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	7,360,497,046	2,215,681,818	(4,503,370,000)		5,072,808,864
Xây dựng cơ bản dở dang	5,165,454,545	15,117,398,972		(136,363,636)	20,146,489,881
Sửa chữa lớn tài sản cố định		12,877,493,238		(12,877,493,238)	-
Cộng	12,525,951,591	30,210,574,028	(4,503,370,000)	(13,013,856,874)	25,219,298,745

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	11,222,436,184	10,207,461,426
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	-
Công ty TNHH Cảng Hải An	-	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	2,980,916,103	3,875,655,526
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	2,368,074,418	2,920,813,185
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	70,399,000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	1,318,954,646	1,014,032,208
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	525,706,520	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	3,431,735,497	2,019,652,507
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	-	19,800,000
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa Phương Thức	526,650,000	357,508,000
Phải trả các nhà cung cấp khác	75,550,558,665	82,498,359,162
Triton Container International Limited-Colle	1,926,349,572	
International Bunker Services Limited	-	10,461,573,453
South Horisons International Petroleum (S) Pte Ltd	17,263,795,867	12,018,975,517
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển hàng hải tại thành phố Hồ Chí Minh	1,503,422,325	
Các nhà cung cấp khác	54,856,990,901	60,017,810,192
Cộng	86,772,994,849	92,705,820,588

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	3,000,000	3,000,000
Công ty Cổ phần Hải Minh	3,000,000	3,000,000
Trả trước của các khách hàng khác	318,159,679	730,044,194
Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Phúc Tín	-	417,380,000
Các khách hàng khác	318,159,679	312,664,194
Cộng	321,159,679	733,044,194

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu		Số phải nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1,966,290,774		4,259,970,767	(5,108,913,726)	1,117,347,815
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			167,700,340	(167,700,340)	-
Thuế xuất, nhập khẩu		3,155,400	122,960,006	(122,960,006)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8,816,855,404		16,060,582,419	(14,397,052,509)	10,480,385,314
Thuế thu nhập cá nhân	1,846,157,449		2,927,082,850	(2,789,281,409)	1,983,958,890
Tiền thuế đất			641,252,583	(641,252,583)	-
Các loại thuế khác			14,000,000	(14,000,000)	-
Cộng	12,629,303,627	3,155,400	9,340,904,497	(14,256,658,249)	13,581,692,019

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác

10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty mẹ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>10,231,938,895</i>	<i>510,691,901</i>
Chi phí lãi vay phải trả	376,582,708	462,216,620
Chi phí môi giới cho thuê tàu Hai An Park	19,487,852	48,475,281
Tạm tính Chi phí bảo hiểm thân tàu	155,692,146	
Tạm tính chi phí khai thác tàu THS	373,963,163	
Tạm tính chi phí xếp dỡ, kiểm đếm, điện lạnh của các tàu	941,233,052	
Chi phí dầu mua trên tàu đi thuê	3,199,979,974	
Chi phí phát hành tăng vốn	165,000,000	
Chi phí nợ vớt	5,000,000,000	
Cộng	10,231,938,895	510,691,901

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan - Lãi hợp tác kinh doanh	2,884,095,368	18,397,788,731
Công ty Cổ phần Transimex	-	6,254,359,714
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	576,819,074	5,307,989,465
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1,153,638,147	2,848,096,989
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	-	2,754,544,774
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	1,153,638,147	1,232,797,789
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	36,751,211,300	42,009,949,700
Công ty Cổ phần MHC - lãi hợp tác kinh doanh	-	1,900,931,375
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	31,147,596,863	36,338,550,216
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	350,000,000	
Kinh phí công đoàn	234,291,617	44,734,000
BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1,704,853,981	9,177,474
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	418,950,000	418,950,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hàng hải Việt Nam - tiền sửa chữa tàu Hải An Gate	-	2,327,529,935
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2,895,518,839	970,076,700
Cộng	39,635,306,668	60,407,738,431

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	25,000,000,000	50,000,000,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	5,000,000,000	10,000,000,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10,000,000,000	20,000,000,000
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An - phải trả về góp vốn BCC	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - phải trả về góp vốn BCC	10,000,000,000	20,000,000,000
Các khoản phải trả dài hạn khác		
Cộng	25,000,000,000	50,000,000,000

(*) Phải trả các bên về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48-HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 về hợp tác góp vốn kinh đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	-------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan*

<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	14,435,173,553	3,757,962,845
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 (i)	14,435,173,553	3,757,962,845
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	59,947,571,960	74,561,329,260
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	12,775,125,195	12,644,409,040
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng	35,918,767,000	36,123,985,500
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội (iii)	7,260,000,145	7,177,894,880
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	3,993,679,620	18,615,039,840
Cộng	74,382,745,513	78,319,292,105

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 để thanh toán công nợ với thời hạn vay 3 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng khác	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	3,757,962,845	18,881,088,878	-	-	(8,203,878,170)	14,435,173,553
Vay dài hạn đến hạn trả	74,561,329,260	-	29,582,766,374	637,223,400	(44,833,747,074)	59,947,571,960
Cộng	78,319,292,105	18,881,088,878	29,582,766,374	637,223,400	(53,037,625,244)	74,382,745,513

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ Giá trị	Số đầu năm Giá trị
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	63,003,756,006	143,122,894,109
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính (ii)	-	6,322,363,840
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng (ii)	50,915,563,260	67,956,566,890
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội (iii)	3,629,999,383	7,177,894,199
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 (iv)	8,458,193,363	61,666,069,180
Cộng	63,003,756,006	143,122,894,109

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo các hợp đồng sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hợp đồng để mua xe nâng và cần cầu với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, 4 xe nâng hàng, 2 cần trục loại chân đế kiểu quay, tài sản trên đất là các công trình xây dựng thuộc dự án kinh doanh cảng Container Hải An.

Hợp đồng vay để mua tàu HaiAn Park với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay đến ngày 05/5/2019. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA02/2014/VCB-HA ngày 11 tháng 04 năm 2014 để mua 01 cần trục chân đế Kirow Ardel GMBH, thời hạn vay 54 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có hệ thống 01 cần trục chân đế Kirow Ardel GMBH.

Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA/2014/VCB-HA ngày 20 tháng 01 năm 2014 để thanh toán tiền mua 2 xe nâng PPM Terex với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời gian trả nợ gốc 54 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay được bảo đảm bởi tài sản đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là hệ thống 02 xe nâng PPM Terex.

Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư tài sản cố định bao gồm lãi nhập gốc; thanh toán bù đắp chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà đã thanh toán vượt phần vốn tự có phải góp theo quyết định đầu tư đối với Dự án đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư của dự án là 10 xe đầu kéo và 10 somi Romooc

Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư tàu container HaiAn Time với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn cho vay đến ngày 22/09/2020. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là Tàu Container HAIAN TIME của Dự án.

Hợp đồng vay để thanh toán chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ để thực hiện Dự án đầu tư tàu container với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là Tàu Container HAIAN BELL của Dự án.

- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội để thực hiện Dự án đầu tư tàu container với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền mua bán tàu HAIAN SONG.

- (iv) Vay ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:
Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng tang móc thiết bị.

Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng 300 Container 20 feet và 100 container 40 feet.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hợp đồng vay để đầu tư 01 tàu biển Container với lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	53,559,928,880	74,561,329,260
Trên 1 năm đến 5 năm	69,391,399,086	143,122,894,109
Trên 5 năm		
Cộng	<u>122,951,327,966</u>	<u>217,684,223,369</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn từ 1 năm đến 5 năm như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	143,122,894,109	108,841,311,351
Số tiền vay phát sinh	-	115,175,000,000
Tăng do đánh giá CLTG cuối kỳ	121,180,833	
Số tiền vay đã trả	(15,587,312,914)	
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(59,083,524,580)	(80,737,608,361)
Giảm do đánh giá CLTG cuối kỳ	818,161,638	(155,808,881)
Số cuối kỳ	<u>69,391,399,086</u>	<u>143,122,894,109</u>

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến tiền bồi thường hàng hỏng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	2.648.342.710
Tăng do trích lập	
Số sử dụng	
Số cuối kỳ	<u>2.648.342.710</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	10,410,013,213	5,515,000,000	(6,000,000)	15,919,013,213
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	6,572,344,434	4,135,000,000	(3,415,900,000)	7,291,444,434
Cộng	<u>16,982,357,647</u>	<u>9,650,000,000</u>	<u>(3,421,900,000)</u>	<u>23,210,457,647</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	231,962,320,000	58,788,380,922	(10,359,064,178)	131,730,070,809	153,894,000,153	8,442,749,166	574,458,456,872
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	113,115,860,000	(50,000,000)	-	-	(113,115,860,000)	-	(50,000,000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(4,561,855,500)	-	-	-	(4,561,855,500)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	70,967,264,975	95,417,036	71,062,682,011
Trích lập các quỹ	-	-	-	20,334,000,000	(29,823,000,000)	-	(9,489,000,000)
Số dư cuối kỳ trước	345,078,180,000	58,738,380,922	(14,920,919,678)	152,064,070,809	81,922,405,128	8,538,166,202	631,420,283,383
Số dư đầu năm nay	345,078,180,000	58,738,380,922	(14,920,919,678)	152,064,070,809	124,290,839,354	170,926,532,068	836,177,083,475
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	142,749,330,000	56,884,732,000	-	-	-	-	199,634,062,000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	69,797,235,930	8,138,061,109	77,935,297,039
Góp vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	22,178,644,650	22,178,644,650
Trích lập các quỹ	-	-	-	27,500,000,000	(37,150,000,000)	-	(9,650,000,000)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(33,934,765,000)	-	(33,934,765,000)
Số dư cuối kỳ này	487,827,510,000	115,623,112,922	(14,920,919,678)	179,564,070,809	123,003,310,284	201,243,237,827	1,092,340,322,164

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48,782,751	34,507,818
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	48,782,751	34,507,818
- Cổ phiếu phổ thông	48,782,751	34,507,818
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	573,053	573,053
- Cổ phiếu phổ thông	573,053	573,053
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48,209,698	33,934,765
- Cổ phiếu phổ thông	48,209,698	33,934,765

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 0206-2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 như sau:

· Chia cổ tức cho các cổ đông	67,869,530,000
· Trích quỹ đầu tư phát triển	27,500,000,000
· Trích quỹ Hội đồng quản trị	4,135,000,000
· Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,515,000,000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1,505,928.64	744,774.65
Euro (EUR)	318.21	40.54

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	32,069,093,420	63,855,527,617
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	183,731,810,815	82,288,692,731
Doanh thu hoạt động khác	22,770,885,420	14,793,247,733
Cộng	238,571,789,655	160,937,468,081

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác cảng, khai thác tàu và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	2,261,663,617	
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	14,031,231,542	
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	988,727,272	683,727,261
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs tại Hải Phòng	66,633,383	1,001,184,864
Công ty Cổ Phần Hải Minh	13,454,546	146,999,997
Công ty Cổ phần Transimex	2,255,909,096	3,687,727,238
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội	-	278,643,954
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	872,586,960	821,105,843
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	8,042,661,811	3,632,319,719
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa Phương Thức	4,335,332,090	
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương	-	897,000
Công ty Cổ phần Vinafreight	-	217,363,633
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinafreight tại Hà Nội	-	11,600,000
Công ty TNHH Một thành viên vận tải và dịch vụ hàng hải Hải Phòng	217,376,781	
2. Giá vốn hàng bán		
	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Giá vốn của hoạt động cảng	22,430,542,389	49,055,508,441
Giá vốn của hoạt động tàu	175,729,414,316	55,901,768,520
Giá vốn của hoạt động khác	28,638,958,081	10,277,964,333
Cộng	226,798,914,786	115,235,241,294
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	67,427,163	96,856,432
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1,213,278,125	1,652,481,593
Lãi tiền cho vay	11,342,465	231,084,954
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3,200,000,000	7,500,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	772,780,476	120,459,795
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7,562,358	145,813,918
Cộng	5,272,390,587	9,746,696,692
4. Chi phí tài chính		
	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Chi phí lãi vay	1,431,520,850	1,108,297,391
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	169,300,104	202,289,737

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	571,974,964	(56,954,923)
Cộng	2,172,795,918	1,253,632,205

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6,174,853,759	3,714,302,041
Chi phí vật liệu quản lý	359,408,824	480,686,979
Chi phí đồ dùng văn phòng	179,363,793	65,273,331
Chi phí khấu hao tài sản cố định	904,529,515	364,813,424
Thuế, phí và lệ phí	67,760,000	16,342,000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(22,606,933)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,597,273,455	1,194,810,293
Các chi phí khác	3,669,629,714	4,327,861,971
Cộng	12,952,819,060	10,141,483,106

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hoạt động BCC	19,359,307,134	
Tiền bồi thường, thu nhập khác	861,966,896	1,042,117,695
Cộng	20,221,274,030	1,042,117,695

7. Chi phí khác

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Bồi thường tổn thất	-	390,000,000
Thuế bị phạt, bị truy thu	4,769,661	
Chi phí khác	8,285,532	2,348
Cộng	13,055,193	390,002,348

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Lũy kế đến cuối kỳ này			
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	69,797,235,930	70,967,264,975	37,531,356,560	39,895,888,980
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4,207,596,344)	(4,840,000,000)	(2,207,596,344)	(2,840,000,000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	65,589,639,586	66,127,264,975	35,323,760,216	37,055,888,980
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	34,093,375	34,136,996	34,251,986	22,623,179
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,924	1,937	1,031	1,638

Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	33,934,765	34,250,715	33,934,765	22,623,179
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		(113,719)		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 28 tháng 6 năm 2018	158,610		317,221	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	34,093,375	34,136,996	34,251,986	22,623,179

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.853.792.310	1.496.692.310
Phụ cấp	124.800.000	226.200.000
Tiền thưởng	1.722.778.622	150.000.000
Cộng	3.701.370.932	1.872.892.310

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs
Công ty Cổ phần Hải Minh
Công ty Cổ phần Transimex
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức

Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương

Mối quan hệ

Công ty liên kết của Công ty con
Công ty liên kết của Công ty con
Công ty liên kết
Cùng thành viên HĐQT
Cùng thành viên HĐQT
Cổ đông lớn, cùng thành viên HĐQT
Cổ đông lớn, cùng thành viên HĐQT
Cổ đông lớn, cùng thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT là thành viên HĐQT của Công ty
Cùng thành viên HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Thành viên HĐQT là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Vina	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ An Phúc Thịnh	Thành viên HĐQT là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty liên doanh Vận tải Công nghệ cao (Transvina)	Thành viên HĐQT là thành viên HĐQT của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs		
Trả cổ tức	1,546,875,000	-
Sử dụng dịch vụ cho hoạt động khai thác cảng	-	8,786,040
Công ty Cổ phần Transimex		
Trả cổ tức	4,414,385,000	-
Sử dụng dịch vụ cho hoạt động khai thác tàu	417,081,819	470,400,908
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Nhận tiền góp vốn hợp tác kinh doanh	-	20,000,000,000
Trả cổ tức	3,045,000,000	-
Sử dụng dịch vụ cho hoạt động khai thác tàu	484,630,000	730,580,000
Sử dụng dịch vụ cho hoạt động khai thác cảng	1,188,386,884	758,414,168
Sử dụng dịch vụ cho hoạt động đại lý	-	318,071,955
Công ty Cổ Phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải		
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu	-	37,149,000
Trả gốc vay	-	542,320,325
Trả cổ tức	1,242,811,000	-
Công ty Cổ Phần Hải Minh		
sCông ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Trả cổ tức	300,330,000	-
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	-	-
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu	3,091,485,613	457,241,637
Nhận tiền góp vốn hợp tác kinh doanh	-	10,000,000,000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu	-	246,500,000
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương		
	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.12, V.13, V.16 và V.17.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Hoạt động khai thác cảng</u>	<u>Hoạt động khai thác tàu</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Lũy kế đến cuối kỳ năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	123,155,114,799	371,968,952,108	863,058,672	495,987,125,579
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	123,155,114,799	371,968,952,108	863,058,672	495,987,125,579
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	54,382,480,789	83,400,302,093	(42,436,120,647)	95,346,662,235
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(27,288,794,399)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				68,057,867,836
Doanh thu hoạt động tài chính				6,589,980,052
Chi phí tài chính				(4,705,835,797)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				8,016,814
Thu nhập khác				21,784,874,475
Chi phí khác				(174,364,850)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(13,625,241,491)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				77,935,297,039

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>2,215,681,818</i>	<i>17,395,401,417</i>	<i>38,647,597,972</i>	<i>58,258,681,207</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>27,359,165,879</i>	<i>43,320,142,560</i>	<i>10,165,504,754</i>	<i>80,844,813,193</i>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>				<i>-</i>
Lũy kế đến cuối kỳ năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	127,784,743,321	146,149,773,917	16,329,617,305	290,264,134,543
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	127,784,743,321	146,149,773,917	16,329,617,305	290,264,134,543
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	50,943,542,677	35,924,482,021	(2,482,536,115)	84,385,488,583
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(17,972,950,138)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				66,412,538,445
Doanh thu hoạt động tài chính				12,134,100,479
Chi phí tài chính				(2,441,700,349)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				1,704,807,888
Thu nhập khác				1,084,500,280
Chi phí khác				(394,086,310)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(7,437,478,422)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				71,062,682,011
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>5,666,743,794</i>	<i>237,529,580,825</i>	<i>2,607,129,407</i>	<i>245,803,454,026</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>23,422,677,097</i>	<i>22,857,915,322</i>	<i>2,643,412,680</i>	<i>48,924,005,099</i>
-------------------------------------------------------------------	-----------------------	-----------------------	----------------------	-----------------------

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Hoạt động khai thác cảng</u>	<u>Hoạt động khai thác tàu</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	294,193,366,473	513,718,863,788	231,419,973,589	1,039,332,203,850
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				401,269,255,006
Tổng tài sản				1,440,601,458,856
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	54,090,199,739	214,835,956,205	48,064,641,718	316,990,797,662
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				31,270,339,030
Tổng nợ phải trả				348,261,136,692
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	269,495,527,060	610,626,356,711	146,357,042,122	1,026,478,925,893
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				282,592,349,330
Tổng tài sản				1,309,071,275,223
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	61,725,706,773	276,800,242,921	52,581,389,399	391,107,339,093
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				81,786,852,655
Tổng nợ phải trả				472,894,191,748

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lập, ngày 30 tháng 7 năm 2018

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Trưởng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

